ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2019/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 21 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X, kỳ họp thứ 10 ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2763/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 8 năm 2019; Báo cáo thẩm định số 1489/BC-STP ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm: 4 Chương, 11 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019; thay thế Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Ninh Thuận thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp.

2. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân. Đối với hỗ trợ đầu tư, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (nho, táo, măng tây, dê, cừu); cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

4. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề được quy định. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Chương II
CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ: bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

2. Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

a) Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách tỉnh cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch;

b) Mức lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư được công bố áp dụng cho từng thời kỳ.

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) Không quá 08 năm đối với dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện; không quá 06 năm đối với dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn xã Thành Hải thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

b) Trường hợp dự án đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm;

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

4. Phương thức hỗ trợ lãi suất:

a) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký;

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

5. Điều kiện hỗ trợ lãi suất: Để được xem xét hỗ trợ lãi suất, Doanh nghiệp phải đáp ứng các điệu kiện sau đây:

a) Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng các điều kiện theo quy định;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với ngân hàng thương mại;

c) Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác;

d) Có dự án đầu tư đáp ứng tiến độ thực hiện theo quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư.

6. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến các sản phẩm từ nho, táo, măng tây, dê, cừu được ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

Điều 6. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản các sản phẩm nho, táo, măng tây được ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

2. Điều kiện hỗ trợ: bảo quản đạt công suất 200 tấn kho.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

2. Điều kiện hỗ trợ: công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt công suất tối thiểu 100 con gia súc hoặc 50 con gia súc và 200 con gia cầm.

Chương III
NGUỒN VỐN, CƠ CHẾ HỖ TRỢ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 8. Nguồn và mức vốn thực hiện hỗ trợ

Ngân sách tỉnh hàng năm dành tối thiểu 5% đối với các nguồn vốn:

1. Chi thường xuyên cho ngành nông nghiệp để cân đối hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản nguồn cân đối ngân sách địa phương cho ngành nông nghiệp để cân đối hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung quy định tại Điều 5, 6, 7 của Quy định này.

Điều 9. Cơ chế hỗ trợ và trình tự thủ tục hỗ trợ

1. Cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Trình tự thủ tục, hồ sơ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh (nếu có) để tổ chức xúc tiến kêu gọi đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, cùng với các Sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng theo Quy định này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thủ tục hồ sơ thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Quy định này.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện hỗ trợ tín dụng theo Quy định này;

b) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại có chi nhánh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật và Quy định này;

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận giải ngân khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp trong vòng 05 ngày làm việc theo Quy định này.

6. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này.

7. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ đầu tư:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ đúng mục đích. Nếu sử dụng vốn vay, kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích, đúng đối tượng sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các quy định của ngân hàng thương mại cho vay về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định;

d) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện ưu đãi theo Quy định này, nếu đã triển khai thực hiện dự án sau ngày Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng ưu đãi thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của dự án theo Quy định này.

2. Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện theo Quy định này, triển khai thực hiện sau ngày Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng hỗ trợ đầu tư thì được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh